

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA GIẢNG VIÊN TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP: NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH TẠI CAO ĐẲNG FPT POLYTECHNIC CƠ SỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trần Thị Hường
Trưởng Đại học FPT
Email: Huongtt43@fe.edu.vn

Tóm tắt: Nghiên cứu khoa học (NCKH) tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đang chuyển dịch từ vai trò phong trào sang yêu cầu bắt buộc nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực thực hành. Bài viết này tập trung phân tích thực trạng hoạt động NCKH của giảng viên tại Cao đẳng FPT Polytechnic cơ sở TP.HCM (FPL HCM) thông qua phương pháp phân tích dữ liệu thứ cấp từ báo cáo hoạt động khoa học công nghệ năm 2025. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mặc dù số lượng công bố khoa học có sự tăng trưởng và đóng góp lớn vào thành tích chung của toàn hệ thống, nhưng hoạt động này vẫn mang tính cục bộ, phụ thuộc nhiều vào nỗ lực của một nhóm nhỏ giảng viên nòng cốt. Về cơ cấu, đa số các công trình được công bố trên các tạp chí và hội thảo trong nước (chiếm hơn 90%), số lượng bài báo quốc tế uy tín (ISI/Scopus) còn rất khiêm tốn. Tuy nhiên, điểm sáng nổi bật là tính ứng dụng thực tiễn cao, với nhiều đề tài giải quyết trực tiếp các vấn đề về công nghệ giáo dục (AI, ChatGPT) và quy trình doanh nghiệp. Từ đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp về linh hoạt hóa cơ chế quy đổi giờ giảng, tổ chức đào tạo kỹ năng thực chiến và tái định vị hoạt động nghiên cứu theo hướng R&D để phù hợp với triết lý "Thực học - Thực nghiệp".

Từ khóa: Nghiên cứu khoa học, Giáo dục nghề nghiệp, FPT Polytechnic, Giảng viên, Nghiên cứu ứng dụng.

THE STATUS OF SCIENTIFIC RESEARCH ACTIVITIES AMONG LECTURERS AT VOCATIONAL EDUCATION INSTITUTIONS: A CASE STUDY AT FPT POLYTECHNIC COLLEGE, HO CHI MINH CITY CAMPUS

Abstract: Scientific research in vocational education institutions is shifting from a peripheral activity to a mandatory requirement aimed at enhancing the quality of practical human resource training. This paper analyzes the current status of scientific research activities among lecturers at FPT Polytechnic College, Ho Chi Minh City campus (FPL HCM), employing secondary data analysis from the 2025 scientific and technological activity report. The findings reveal that while the volume of scientific publications has grown and contributed significantly to the system-wide achievements, these activities remain localized, heavily relying on the efforts of a small core group of lecturers. Regarding structure, the majority of works are published in domestic journals and conference proceedings (accounting for over 90%), with a modest presence in prestigious international databases (ISI/Scopus). However, a notable highlight is the high practical applicability of the research, with many topics directly addressing issues in educational technology (AI, ChatGPT) and business processes. Consequently, the study proposes solutions regarding flexible teaching hour conversion, hands-on skill training workshops, and re-orienting research activities towards R&D to align with the philosophy of "Learning by doing."

Keywords: Scientific research, Vocational education, FPT Polytechnic, Lecturers, Applied research.

Nhận bài: 08.01.2026

Phản biện: 29.01.2026

Duyệt đăng: 01.02.2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và sự tác động mạnh mẽ của công nghệ, hệ thống giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam đang đứng trước yêu cầu cấp thiết phải chuyển mình. Chúng ta không thể mãi dậm chân tại chỗ với tư duy "dạy nghề thuần túy". Chính vì vậy, hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) không còn là "sân chơi riêng" hay đặc quyền của các trường đại học hàn lâm, mà đã trở thành yêu cầu bắt buộc. Như tác giả Trần Mai Ước (2013) đã khẳng định, NCKH của giảng viên là yếu tố quan trọng, đóng vai trò hỗ trợ trực tiếp cho công tác giảng dạy, giúp bài giảng không bị tụt hậu so với thực tiễn. Tuy nhiên, khi nhìn vào thực tế tại Cao đẳng FPT Polytechnic

(FPoly) cơ sở TP.HCM, bức tranh này lại mang nhiều gam màu tương phản. Với triết lý "Thực học - Thực nghiệp", FPoly sở hữu một đội ngũ giảng viên giàu kinh nghiệm thực chiến, năng động và nhạy bén với thị trường. Mặc dù nhà trường đã có những chính sách thúc đẩy mạnh mẽ, khiến số lượng bài báo khoa học tăng lên đáng kể trong giai đoạn gần đây (FPT Polytechnic, 2020). Tính hiệu quả của các cơ chế quản lý hiện hành: Liệu giảng viên tham gia nghiên cứu vì niềm đam mê học thuật thực sự, hay chỉ đang thực hiện một cách đối phó để "trả nợ" các chỉ số KPI? Vấn đề quản lý theo kết quả này cũng đã được Lê Duy Nhã (2021).

Xuất phát từ những trăn trở nêu trên, đề tài "Thực trạng hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Nghiên cứu điển hình tại Cao đẳng FPT Polytechnic cơ sở TP.HCM" được thực hiện với các mục tiêu cụ thể sau:

Thứ nhất, nghiên cứu nhằm đánh giá một cách trung thực và khách quan bức tranh toàn cảnh về hoạt động NCKH tại cơ sở, bao gồm cả khía cạnh số lượng, chất lượng và quan trọng nhất là tính ứng dụng của các đề tài. Điều này cũng tương đồng với hướng tiếp cận của Lê Thị Thanh Thủy (2024) khi đánh giá thực trạng ảnh hưởng của NCKH tại các trường khu vực Nam Bộ.

Thứ hai, nghiên cứu tập trung nhận diện và chỉ ra các "điểm nghẽn" về cơ chế, động lực và nguồn lực mà giảng viên đang gặp phải.

Cuối cùng, dựa trên những phân tích thực tiễn, đề tài sẽ đề xuất các nhóm giải pháp khả thi, phù hợp với đặc thù mô hình "Thực học - Thực nghiệp". Mục tiêu hướng đến không chỉ là gia tăng số lượng bài báo, mà là làm sao để NCKH thực sự phục vụ ngược lại cho công tác đào tạo, như tinh thần mà Phan Thị Tú Nga (2011) đã đề cập trong các giải pháp nâng cao hiệu quả NCKH: nghiên cứu phải gắn liền và giải quyết được các vấn đề của thực tiễn giáo dục.

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN

2.1. Đặc điểm trong hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục nghề nghiệp

Để đánh giá đúng thực trạng, trước hết tác giả muốn xác định rõ tâm thế của hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) đặc thù trong môi trường giáo dục nghề nghiệp. Nếu như ở các trường đại học định hướng nghiên cứu, mục tiêu chính thường là các phát hiện mới mang tính lý thuyết hàn lâm, đóng góp vào kho tàng tri thức nhân loại, thì tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, NCKH mang một màu sắc hoàn toàn khác: thực tế và cụ thể hơn. Tại đây, trọng tâm được chuyển dịch mạnh mẽ sang Nghiên cứu ứng dụng. Theo Đào Ngọc Cảnh (2018), hoạt động NCKH ở các trường này thường gắn liền với các giải pháp, sáng kiến kinh nghiệm nhằm cải tiến công cụ giảng dạy hoặc giải quyết các bài toán kỹ thuật cụ thể tại doanh nghiệp. Nói cách khác, thước đo giá trị của một đề tài nghiên cứu ở trường nghề không nằm ở số lượng trang viết lý thuyết, mà nằm ở khả năng "chạy" được trong thực tế. Hơn nữa, trong bối cảnh khối ngành kỹ thuật và dịch vụ thay đổi chóng mặt, NCKH đóng vai trò như một "cơ chế sinh tồn" để cập nhật

tri thức. Một giảng viên Du lịch hay Công nghệ thông tin không thể dạy sinh viên bằng những kiến thức của 5 năm trước. Trần Mai Ước (2013) đã nhấn mạnh rằng, NCKH chính là yếu tố cốt lõi giúp giảng viên tự đào tạo, qua đó nâng cao chất lượng đào tạo chung.

2.2. Bối cảnh trường Cao đẳng FPT Polytechnic cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh

Đặt trong bối cảnh cụ thể của FPT Polytechnic (FPoly) cơ sở TP.HCM, hoạt động NCKH còn chịu chi phối bởi mô hình đào tạo và văn hóa tổ chức đặc thù của đơn vị. Về mô hình đào tạo: FPT Polytechnic áp dụng triết lý "Thực học - Thực nghiệp" với phương pháp đào tạo Blended Learning (học tập kết hợp) và Project-based Learning (học theo dự án). Thay vì các nghiên cứu lý thuyết suông, nhà trường khuyến khích các nghiên cứu phục vụ việc xây dựng bài giảng số, hoặc các dự án khởi nghiệp của sinh viên. Theo báo cáo của P.GS Tiến sĩ Phạm Hùng Quý – Trưởng phòng QLKH&HTQT Trường Đại học FPT (2020), sự gia tăng số lượng bài báo khoa học tại FPoly trong những năm gần đây cũng phản ánh xu hướng gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu và mô hình đào tạo thực tiễn này.

Về đặc điểm đội ngũ giảng viên: Đội ngũ giảng viên tại FPoly TP.HCM mang những đặc điểm nhân khẩu học khá riêng biệt so với các trường công lập truyền thống. Đa phần họ là những người trẻ, năng động và có khả năng tiếp cận công nghệ mới cực kỳ nhanh nhạy. Đây là một lợi thế lớn cho các nghiên cứu về chuyển đổi số hay ứng dụng AI trong giáo dục. Tuy nhiên, đặc điểm này cũng là "con dao hai lưỡi". Lê Duy Nhã (2021) khi bàn về quản lý NCKH đã chỉ ra rằng, nếu không có cơ chế quản lý thời gian và động lực phù hợp, áp lực giảng dạy sẽ "nuốt chửng" thời gian dành cho nghiên cứu.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu dựa trên dữ liệu thứ cấp chính thống nhằm đảm bảo độ tin cậy. Tác giả trích xuất và tổng hợp toàn bộ hồ sơ hoạt động khoa học 12 tháng (01/2025–12/2025) do Phòng Quản lý Khoa học – Tập đoàn Giáo dục FPT cung cấp, gồm danh mục đề tài đăng ký, bài báo công bố và sản phẩm ứng dụng (giáo trình, công cụ dạy học) đã nghiệm thu; các trường hợp trùng lặp hoặc hủy giữa chừng được loại bỏ. Dữ liệu được xử lý bằng thống kê mô tả để phân tích cơ cấu thành tích theo bộ môn và loại sản phẩm, đồng thời so sánh tỷ lệ bài báo học

thuật với sản phẩm ứng dụng nhằm kiểm chứng mức độ bám sát định hướng “Thực học – Thực nghiệp”. Dù chưa phản ánh các nỗ lực không được ghi nhận bằng văn bản, cách tiếp cận này cung cấp thước đo khách quan để đánh giá đầu ra và xu hướng NCKH tại cơ sở TP.HCM trong giai đoạn nghiên cứu.

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

4.1. Kết quả về cơ cấu và chất lượng công bố khoa học

Số liệu thống kê cho thấy một sự chênh lệch lớn trong cơ cấu bài báo. Đại đa số các công trình được công bố tại các Tạp chí khoa học trong

nước (thuộc danh mục HĐGSNN) hoặc Kỷ yếu hội thảo quốc gia. Tỷ trọng áp đảo của các bài báo trong nước (chiếm hơn 90%) phản ánh thực tế rằng giảng viên FPoly vẫn coi các hội thảo nội bộ hoặc tạp chí trong nước là "sân chơi" chính. Nguyên nhân đến từ việc các kênh này có quy trình phản biện vừa sức, thời gian công bố nhanh, phù hợp với áp lực giảng dạy dày đặc. Việc chỉ có 01 bài báo quốc tế (Scopus Q1) xuất hiện trong thống kê của cơ sở HCM là một con số đáng suy ngẫm, cho thấy rào cản về ngoại ngữ và kỹ năng viết bài chuẩn quốc tế vẫn là "nút thắt cổ chai" lớn nhất.

Bảng 1. Cơ cấu loại hình công bố khoa học tại FPT HCM (Năm 2025)

Loại hình công bố	Số lượng (Bài)	Tỷ trọng (%)	Nhận định
Tạp chí/Hội thảo trong nước (HĐGSNN)	26	~96%	Vùng "an toàn", phù hợp với năng lực hiện tại.
Tạp chí Quốc tế (ISI/Scopus)	1	~4%	Còn rất khiêm tốn, là "vùng trắng" cần khai phá.

Phong trào NCKH tại cơ sở chưa có sự lan tỏa đồng đều mà đang phụ thuộc vào sự nỗ lực vượt bậc của một nhóm nhỏ giảng viên nòng cốt. Sự chênh lệch giữa người dẫn đầu thầy Lê Lâm Huỳnh Thông (18 bài) và nhóm

phía sau là rất lớn. Thực tế này chỉ ra rằng NCKH tại FPL HCM đang được "gánh" bởi một vài cá nhân xuất sắc có đam mê tự thân, chứ chưa phải là kết quả của một hệ thống tạo động lực đại trà.

Bảng 2. Top 5 Giảng viên có số lượng công bố cao nhất tại FPL HCM (2025)

STT	Họ và tên giảng viên	Số lượng bài	Ghi chú
1	Lê Lâm Huỳnh Thông	18	Năng suất vượt trội, chiếm ~36% tổng sản lượng toàn cơ sở GV Bộ môn DL-NH-KS
2	Bùi Ngọc Quỳnh Như	4	Trưởng Phòng Quan hệ doanh nghiệp
3	Huỳnh Bảo Vy	2	GV Bộ môn DL-NH-KS
4	Đỗ Tiến Sĩ	2	GV Bộ môn Điện - Cơ khí
5	Phạm Thị Thanh Hậu	2	GV Bộ môn DL-NH-KS

So sánh với các cơ sở khác trong hệ thống FPT Polytechnic trên toàn quốc, TP.HCM đang giữ vị trí thứ hai về số lượng, đóng vai trò là một trong hai "đầu tàu" quan trọng. Mặc dù đứng thứ 2 sau Hà Nội, nhưng khoảng cách giữa TP.HCM (49 bài) và

các cơ sở tỉnh (Cần Thơ, Đà Nẵng: 7-8 bài) là rất xa. Điều này khẳng định vị thế của TP.HCM là một trung tâm học thuật lớn, nơi tập trung nguồn nhân lực chất lượng cao, đủ sức để thí điểm các mô hình nghiên cứu mới trước khi nhân rộng ra toàn hệ thống

Bảng 3. So sánh số lượng bài báo giữa các cơ sở FPoly (Khối cao đẳng)

Xếp hạng	Cơ sở	Tổng số bài báo	Tương quan
1	Hà Nội	65	Dẫn đầu hệ thống
2	TP.HCM	49	Đứng thứ hai, bám đuổi sát sao
3	Cần Thơ	8	Khoảng cách khá xa
4	Đà Nẵng	7	Cần nỗ lực thêm

Nếu xét về tính hàn lâm, các đề tài đã triển khai có thể chưa mạnh, nhưng xét về tính thực tiễn áp dụng vào thực tế thì FPL HCM đang làm khá tốt. Các đề tài không nằm trên giấy mà đi thẳng vào giải quyết các "vấn đề thực tế" của lớp học và doanh nghiệp. Việc xuất hiện dày đặc các từ khóa như "AI", "VR/AR", "Măng Đen", "Work Based Learning" chứng tỏ giảng viên rất nhạy bén với xu hướng công nghệ và thị trường. Đây chính là lợi thế cạnh tranh cốt lõi của nghiên cứu khoa học tại trường nghề: Nghiên cứu để làm tốt hơn công việc của ngày mai, chứ không chỉ để lưu kho thư viện.

4.2. Thách thức trong hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục nghề nghiệp

Thứ nhất là bài toán nan giải về "quỹ thời gian kép". Khác với mô hình đại học truyền thống nơi giảng viên có khoảng thời gian nhất định để nghiên cứu, FPoly vận hành với cường độ rất cao. Thực tế cho thấy, sau khi hoàn thành "nghĩa vụ" giảng dạy và chăm sóc người học, năng lượng và sự tập trung của giảng viên gần như đã cạn kiệt. Việc tự nghiên cứu thêm các bài báo khoa học vào buổi tối hay cuối tuần trở thành một gánh nặng tâm lý hơn là một niềm đam mê học thuật.

Thứ hai là sự bất cân xứng trong cơ chế tài chính. Cần thừa nhận rằng, dù Tập đoàn Giáo dục FPT đã có chính sách khen thưởng rất hấp dẫn cho những sản phẩm NCKH chất lượng (100 triệu đồng cho 1 bài quốc tế (FPT Polytechnic, 2020), nhưng mức hỗ trợ kinh phí cho các đề tài cấp cơ sở đôi khi chưa thực sự tương xứng với công sức lao động trí óc bỏ ra. Một bài báo chất lượng đòi hỏi hàng tháng trời khảo sát, xử lý số liệu và viết lách, nhưng mức thù lao nhận được chưa đủ tạo thành động lực kinh tế hấp dẫn.

Cuối cùng là khoảng trống về năng lực nghiên cứu hàn lâm. Đây là "điểm nghẽn" nội tại khó nói nhưng rất thật. Giảng viên FPoly có thể là những chuyên gia xuất sắc về kỹ năng nghề, code rất giỏi, làm marketing rất hay, nhưng khi chuyển sang ngôn ngữ học thuật lại gặp lúng túng. Kỹ năng viết bài báo khoa học chuẩn mực, phương pháp xử lý số liệu thống kê, hay khả năng đọc hiểu tài liệu tiếng Anh chuyên ngành vẫn là những rào cản lớn. Nhiều ý tưởng thực tiễn rất hay nhưng không thể "đóng gói" thành một công trình khoa học hoàn chỉnh vì thiếu kỹ năng phương pháp luận, dẫn đến tâm lý e ngại và tự ti khi bước vào sân chơi học thuật.

V. GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA GIẢNG VIÊN TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

5.1. Linh hoạt về cơ chế và chính sách

Rào cản lớn nhất của giảng viên FPoly không phải là thiếu ý tưởng, mà là thiếu thời gian. Do đó, giải pháp đầu tiên phải là quy đổi thời gian một cách cụ thể và linh hoạt. Thay vì chỉ quy đổi NCKH ra tiền thưởng, nhà trường nên mạnh dạn áp dụng cơ chế "ngân hàng giờ giảng". Cụ thể, những giảng viên đăng ký thực hiện các đề tài trọng điểm hoặc có bài báo quốc tế hoặc hướng dẫn sinh viên NCKH nên được giảm trừ trực tiếp định mức giờ dạy trong kỳ đó.

Bên cạnh đó, cần tận dụng lợi thế "sân nhà" của Tập đoàn FPT để xã hội hóa nguồn kinh phí. Thay vì chỉ trông chờ vào ngân sách nội bộ hạn hẹp, Phòng Quan hệ Doanh nghiệp nên đóng vai trò cầu nối, đặt hàng các bài toán thực tế từ doanh nghiệp đối tác về cho giảng viên giải quyết.

5.2. Nâng cao năng lực theo hướng "Cầm tay chỉ việc"

Thực tế cho thấy nhiều giảng viên rất giỏi nghề nhưng lại "tắc" ở khâu thể hiện ý tưởng thành văn bản học thuật. Để giải quyết, chúng ta cần thay đổi cách tổ chức đào tạo nội bộ. Hãy loại bỏ những buổi hội thảo lý thuyết chung chung. Thay vào đó, cần tổ chức các workshop hoặc xưởng thực dành cho cả giảng viên và sinh viên theo dạng "thực chiến".

Đặc biệt, dựa trên số liệu phân tích về sự chênh lệch năng suất, mô hình Nhóm nghiên cứu cần được kích hoạt. Nhà trường nên có chính sách đãi ngộ riêng để mời những "cây đa cây đề" (như giảng viên có 18 bài báo/năm đã nêu ở phần Thực trạng) đứng ra làm trưởng nhóm. Nhiệm vụ của họ không chỉ là viết bài của mình, mà là dìu dắt, sửa bài và đứng tên chung để kéo các giảng viên trẻ cùng tiến bộ.

5.3. Cải tiến loại hình nghiên cứu

Cuối cùng, FPT Polytechnic cần kiên định với triết lý "Thực học - Thực nghiệp" ngay cả trong nghiên cứu. Nhà trường không cần cố gắng cạnh tranh với các trường đại học hàn lâm về số lượng bài báo lý thuyết khô khan. Hãy khuyến khích và công nhận các sản phẩm R&D (Nghiên cứu và Phát triển) phục vụ trực tiếp cho giảng dạy. Một bộ công cụ chấm bài tự động, một phần mềm mô phỏng thực hành ảo, hay một bộ giáo trình điện tử tương tác... cần được tính điểm thi đua ngang bằng, thậm chí cao hơn một bài báo hội thảo. Khi giảng viên thấy rằng việc họ mày mò cải tiến công cụ dạy học hàng ngày được trân trọng và ghi nhận là "nghiên cứu khoa học", họ sẽ làm việc đó với niềm đam mê tự nhiên nhất mà không cần ép buộc.

VI. KẾT LUẬN

Nhìn lại toàn bộ bức tranh hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) tại Cao đẳng FPT Polytechnic cơ sở TP.HCM, tác giả có thể khẳng định rằng đây là một "mỏ vàng" đang ở giai đoạn tiềm năng nhưng chưa được khai thác đúng tầm. Những con số tăng trưởng về bài báo hay sự nỗ lực của các cá nhân điển hình là những tín hiệu đáng mừng, cho thấy rào cản tâm lý ngại khó đã dần được gỡ bỏ. Tuy nhiên, để thực sự tạo ra tác động, hoạt động này cần một cú hích mạnh mẽ để chuyển dịch từ tư duy "làm cho đủ lượng" (để đạt KPI, để thi đua) sang tư duy "làm vì chất" (để giải quyết vấn đề, để nâng cao vị thế). Suy cho cùng, trong một môi trường đề cao

triết lý "Thực học - Thực nghiệp", vai trò của người giảng viên không thể chỉ dừng lại ở việc truyền thụ những giáo án cũ mòn. Nếu không nghiên cứu, không lăn lộn tìm tòi những cái mới từ doanh nghiệp và thị trường, giảng viên sẽ rất dễ trượt dài và trở thành những "thợ dạy" đơn thuần – những người chỉ biết lặp lại kiến thức một cách máy móc. Muốn đào tạo ra những sinh viên "thực chiến", giỏi tay nghề và nhạy bén với công nghệ, thì chính người thầy phải là người tiên phong chạm tay vào hơi thở của thực tiễn thông qua nghiên cứu. Đó không chỉ là nhiệm vụ, mà còn là lòng tự trọng nghề nghiệp và là con đường duy nhất để giảng viên FPoly khẳng định giá trị của mình trong kỷ nguyên số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đào Ngọc Cảnh (2018). *Thực trạng và giải pháp đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học*. Kỷ yếu Hội thảo Khoa học, Trường Đại học Ngoại thương Cơ sở Quảng Ninh.
- FPT Polytechnic (2020). *FPT Polytechnic đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu & viết bài báo khoa học trong nhà trường*. <https://caodang.fpt.edu.vn/tin-noi-bat/fpt-polytechnic-day-manh-hoat-dong-nghien-cuu-khoa-hoc-va-viet-bai-bao-cao-khoa-hoc-trong-nha-truong.html?>
- Lê Duy Nhã (2021). *Vận dụng tiếp cận quản lý theo kết quả trong quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên tại trường đại học*. Tạp chí Giáo dục, 510(2), 37–43.
- Lê Thị Thanh Thủy (2024). *Thực trạng ảnh hưởng từ hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên tại các trường đại học địa phương khu vực Nam Bộ*. Tạp chí Giáo dục, 24(đặc biệt 9), 259–264.
- Phòng Quản lý khoa học - Tập đoàn Giáo dục FPT (2026). *Báo cáo tổng kết hoạt động Khoa học Công nghệ năm 2025 và danh sách khen thưởng công bố khoa học*. Tài liệu lưu hành nội bộ.
- Phan Thị Tú Nga (2011). *Thực trạng và các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên Đại học Huế*. Tạp chí Khoa học Đại học Huế, 68, 67–78.
- Trần Mai Ước (2013). *Nghiên cứu khoa học của giảng viên - yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo tại các trường đại học hiện nay*. Bản tin Khoa học và Giáo dục - Học viện Báo chí và Tuyên truyền.